CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

FireAnt

CTCP Lizen

Ngày 30/09/2025	12,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.1%	**40.7%**	**30.0%**

DT thuần
Q3/25
566
tỷ VNĐ
QoQ: ▼166| -22.7%
YoY: ▼88.0| -13.5%

LN thuần
Q3/25
38.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.40| -3.6%
YoY: ▼6.20| -14.0%

LN sau thuế
Q3/25
40.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.70| 31.7%
YoY: ▲ 3.60| 9.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
11.7%
YoY: +/-▲ 3.9%

ROE (TTM)
Q3/25
4.9%
YoY: +/-▲ 0.2%

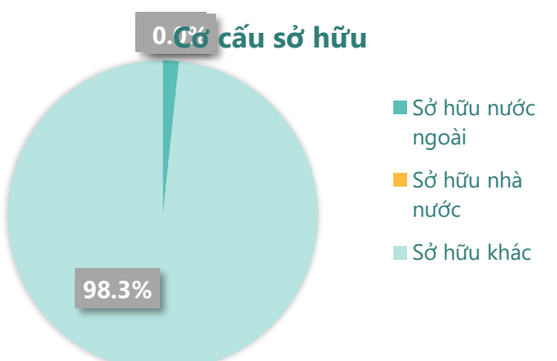
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,467 - 12,850
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,404
Số lượng CPLH (CP)	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,422,140
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.10
EPS	664
P/E	18.7

DT thuần
9T 2025
1,726
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 1.0%

LN thuần
9T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▼15.0| -13.0%

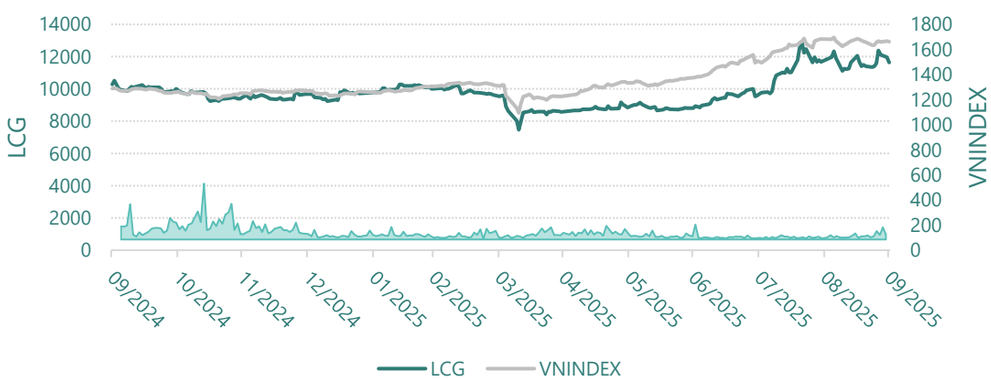
LN sau thuế
9T 2025
90.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.70| -4.0%

Cơ cấu sở hữu

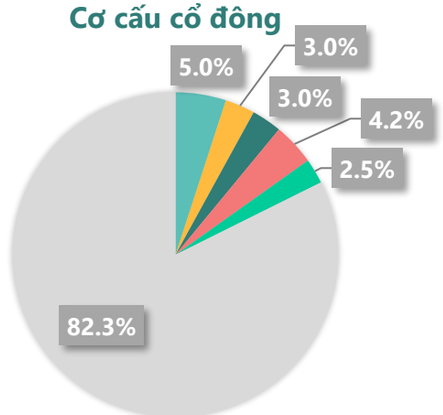


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

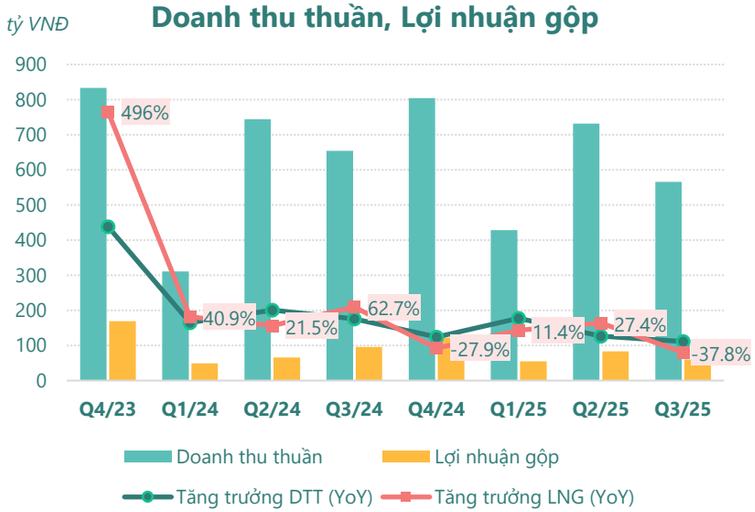


- Nguyễn Văn Nghĩa (Thành viên HĐQT)
- Bùi Dương Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Lucerne Enterprise Ltd
- CTCP Cơ điện Miền Trung
- NS Advisory Inc Pte. Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

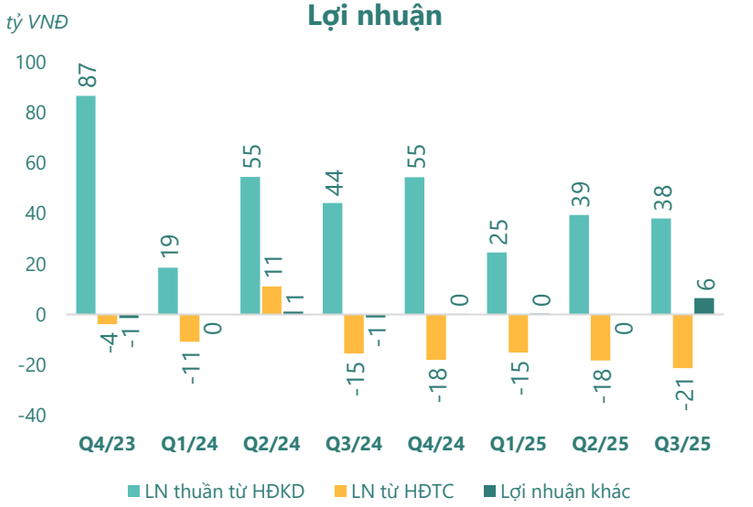
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



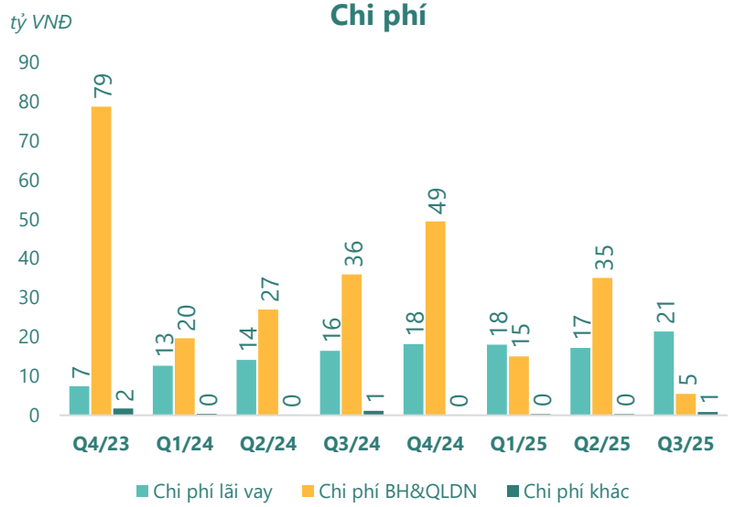
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



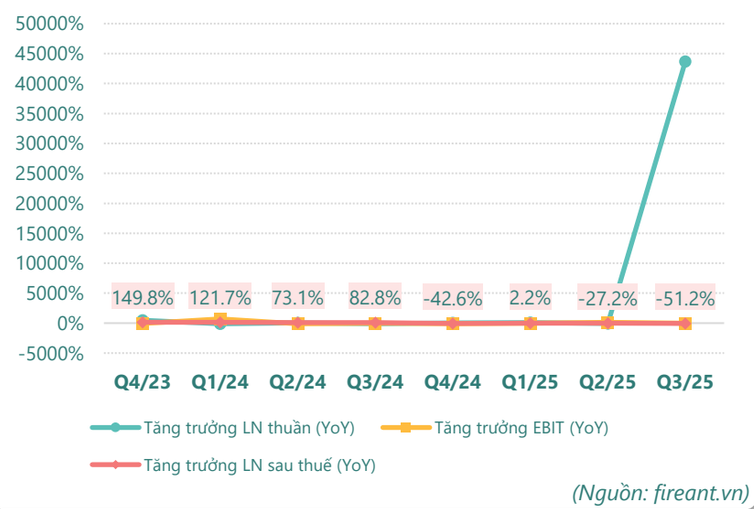
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



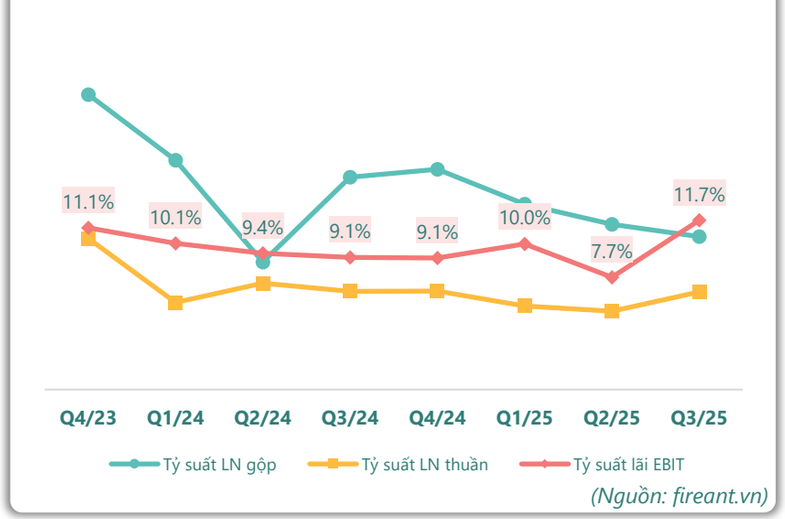
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

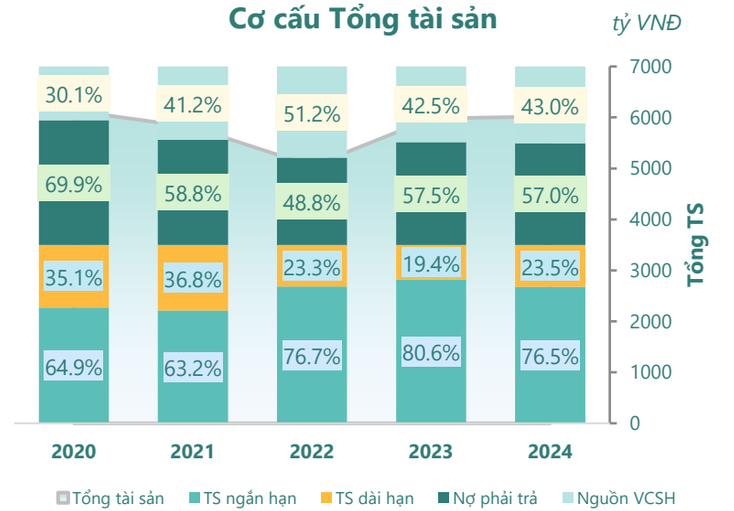
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

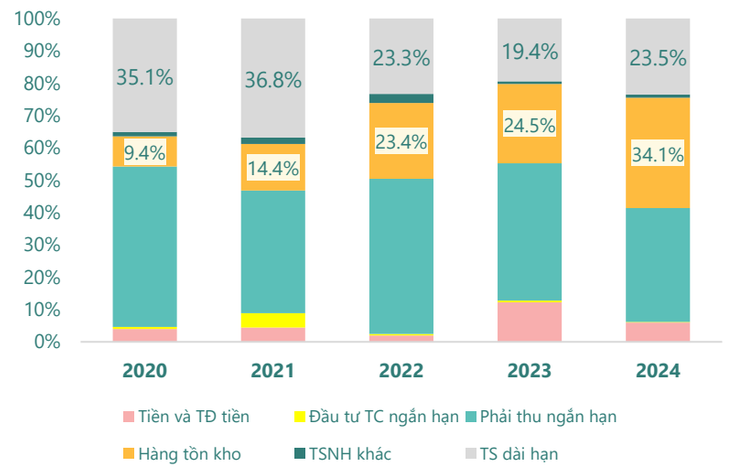
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



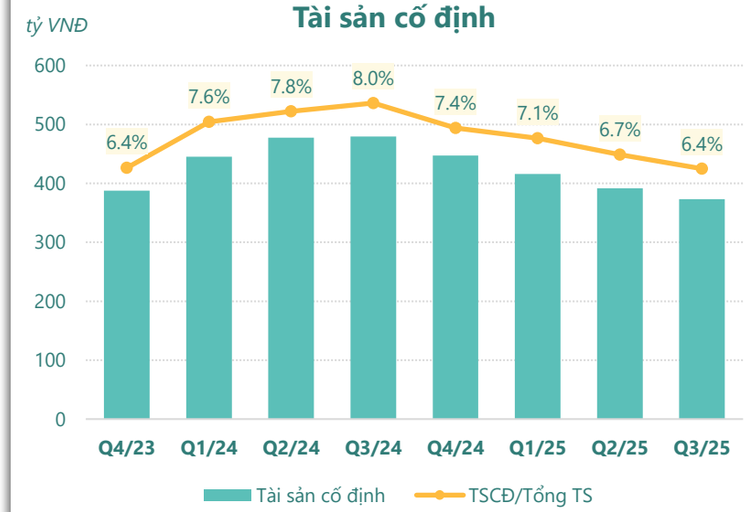
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



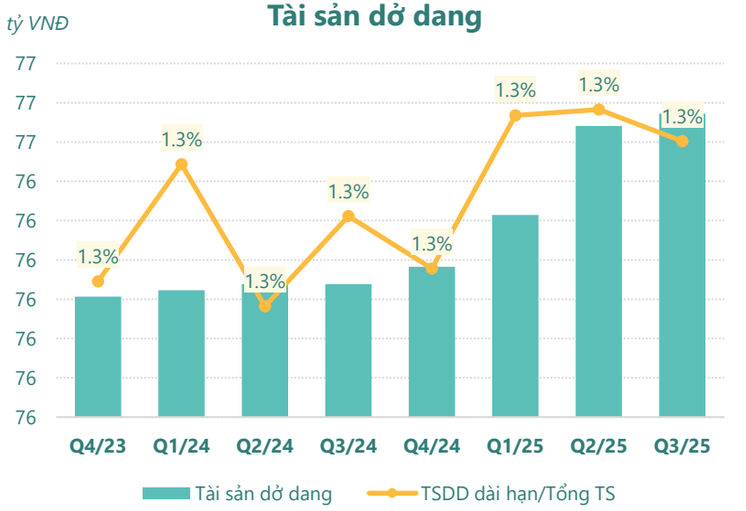
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



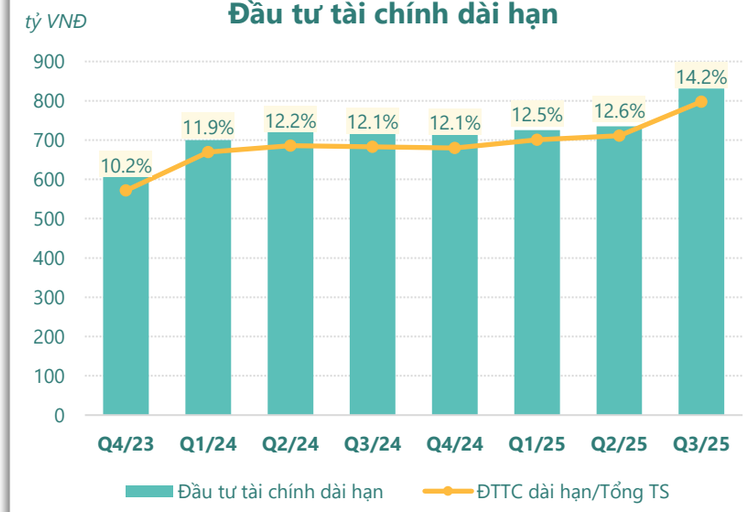
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



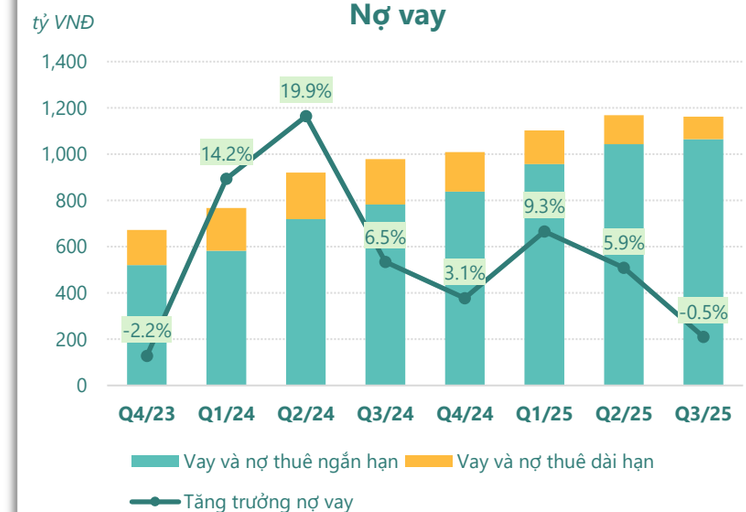
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

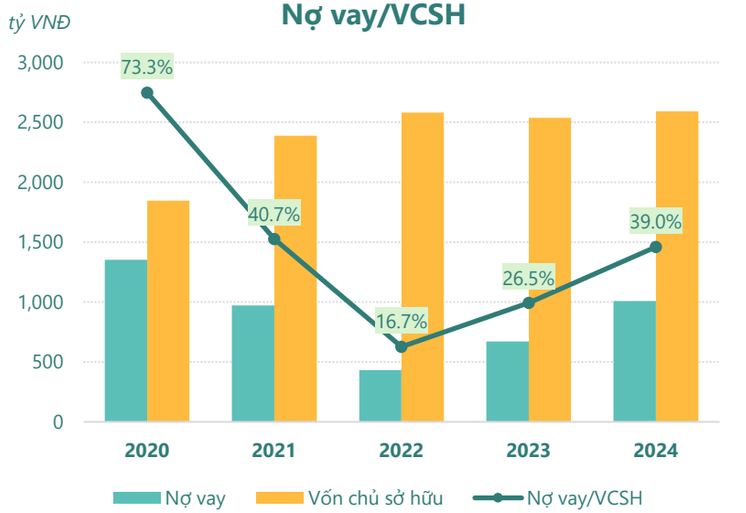
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

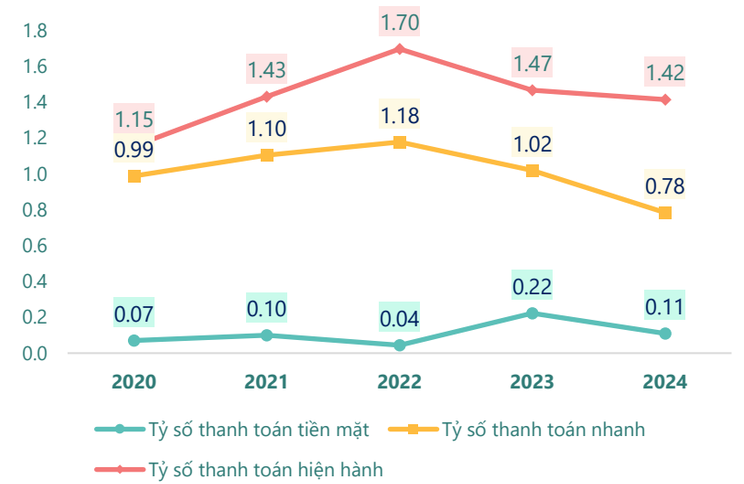
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



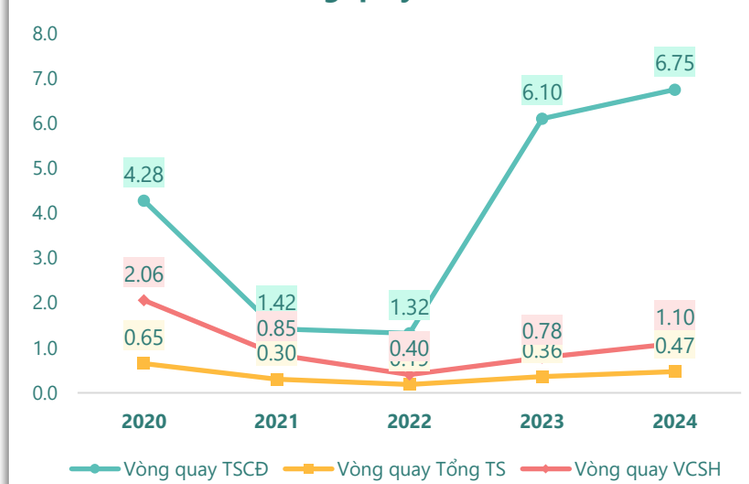
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



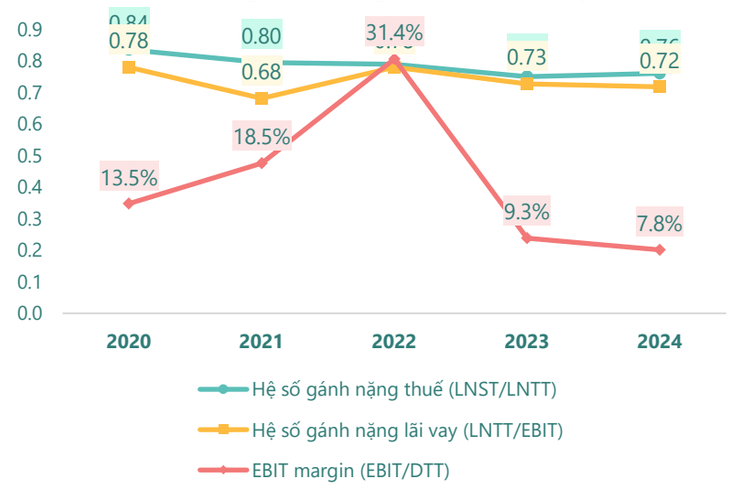
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



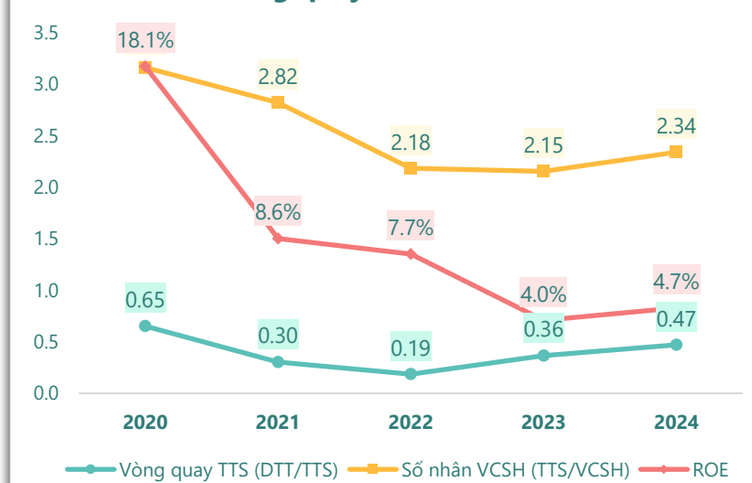
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



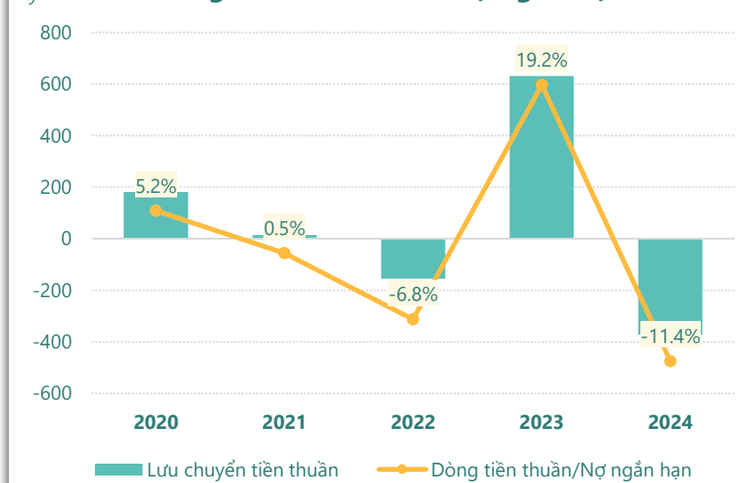
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**566**	**654**	**-13.5%**	**1,726**	**1,709**	**1.0%**
Giá vốn hàng bán	506	558	-9.3%	1,528	1,499	2.0%
Lợi nhuận gộp	59.5	95.7	-37.8%	198	210	-6.0%
Doanh thu HĐTC	0.14	1.00	-86.3%	2.04	32.2	-93.7%
Chi phí TC	21.4	16.4	30.5%	56.6	47.3	19.5%
Chi phí lãi vay	21.4	16.4	30.5%	56.6	43.2	30.9%
LN trong công ty LKLD	**5.30**	**0.00**		**14.7**	**5.04**	**191%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**5.49**	**36.0**	**-84.7%**	**55.5**	**82.6**	**-32.8%**
LN thuần từ HĐKD	38.1	44.3	-14.0%	102	117	-13.0%
Lợi nhuận khác	**6.47**	**-1.13**	**673%**	**6.74**	**-0.03**	**26424%**
LN trước thuế	44.6	43.1	3.4%	109	117	-7.3%
Lợi nhuận sau thuế	**40.1**	**36.5**	**9.7%**	**90.8**	**94.5**	**-4.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**40.1**	**36.4**	**10.2%**	**90.6**	**94.5**	**-4.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.07	39.2	-56.7	-383	-57.6	276
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-370	20.6	197	-13.4	11.0	-84.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	260	-190	30.0	97.7	61.0	-10.1
Tiền đầu kỳ	452	334	204	360	60.5	74.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-118**	**-130**	**170**	**-299**	**14.3**	**182**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	334	204	374	60.5	74.8	256

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,859**	**6,020**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	4,433	4,607	-3.8%
Tiền và tương đương tiền	256	360	-28.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.96	11.0	-91.2%
Phải thu ngắn hạn	1,935	2,120	-8.7%
Hàng tồn kho	2,146	2,056	4.4%
Tài sản ngắn hạn khác	94.0	60.8	54.7%
Tài sản dài hạn	**1,427**	**1,413**	**1.0%**
Phải thu dài hạn	65.5	73.1	-10.5%
Tài sản cố định	373	447	-16.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.5	76.4	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	831	738	12.6%
Tài sản dài hạn khác	**78.4**	**74.9**	**4.6%**
Lợi thế thương mại	1.71	2.77	-38.3%
Nợ phải trả	3,184	3,429	-7.1%
Nợ ngắn hạn	**3,084**	**3,256**	**-5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	838	27.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	635	758	-16.3%
Nợ dài hạn	99.6	173	-42.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	97.3	171	-43.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,676**	**2,591**	**3.3%**
Vốn chủ sở hữu	**2,676**	**2,591**	**3.3%**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)